

BAN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOR CẦN THƠ KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOR CẦN THƠ

TỔ CHỨC CHÀO BÁN



TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 127 Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3641 0799 Fax: (84-4) 3641 0800

Website: www.vinafor.com.vn

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOR CẦN THƠ

Địa chỉ: 386, Cách mạng Tháng Tám, Phường An Thới,
Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 07103 828 368 Fax: 07103 820 131

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á



Hội sở chính: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4) 6275 3844 Fax: (84 - 4) 6275 3816

Chi nhánh: Tầng 2, Tòa 31-33-35 Hàm Nghi, Q1 Tp.HCM

Điện thoại: (84 - 8) 3824 6468 Fax: (84 - 8) 3824 6550

Website: www.aseansc.com.vn

Tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	3
I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOR CẦN THƠ	4
1. Tổ chức phát hành	4
2. Cổ phần chào bán đấu giá.....	4
3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần	5
4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc	6
5. Tổ chức thực hiện đấu giá	7
II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN ..	7
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	9
V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP	9
1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp	9
2. Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp	10
3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức	12
4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 01/05/2015	14
5. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu	15
6. Tình hình sử dụng lao động.....	15
7. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp.....	15
8. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của Doanh nghiệp	18
9. Tình hình hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp	18
10. Các tranh chấp có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	25
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	25
12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.....	26
VI. CỔ PHẦN CHÀO BÁN.....	26

1. Loại chứng khoán chào bán.....	26
2. Mệnh giá.....	26
3. Số lượng cổ phần chào bán	26
4. Phương thức chào bán	26
5. Giá khởi điểm đưa ra chào bán.....	26
6. Thời gian chào bán cổ phần	26
VII.CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY	27
1. Rủi ro về kinh tế	27
2. Rủi ro về luật pháp	28
3. Rủi ro đặc thù	29
4. Rủi ro về công nợ phải thu	29
5. Các rủi ro khác	29
VIII. THAY LỜI KẾT	29

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh	11
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 01/05/2015	14
Bảng 3: Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần của Công ty	14
Bảng 4: Cơ cấu lao động tại ngày 01/05/2015	15
Bảng 5: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty	16
Bảng 6: Giá trị còn lại của tài sản cố định theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014.....	17
Bảng 7: Danh mục một số máy móc thiết bị có giá trị lớn của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014	17
Bảng 8: Danh mục phương tiện vận tải của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014.....	18
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2012-2014	19
Bảng 10: Lợi nhuận gộp năm 2012-2014.....	19
Bảng 11: Cơ cấu chi phí năm 2012-2014	20
Bảng 12: Các hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện	22
Bảng 13: Tình hình công nợ phải thu năm 2012-2014.....	23
Bảng 14: Tình hình công nợ phải trả năm 2012-2014.....	23
Bảng 15: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012-2014.....	24
Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính năm 2012-2014	24
Bảng 17: Kế hoạch kinh doanh năm 2015.....	26

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOR CẦN THƠ

1. Tổ chức phát hành

- Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ**
- Tên viết tắt : VINAFOR CẦN THƠ
- Địa chỉ : 386 đường Cách mạng Tháng tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : 07103 828 368
- Fax : 07103 820 131
- Giấy chứng nhận : Số 1800155847 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 01 tháng 12 năm 2014
- Vốn điều lệ : 8.200.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành : 820.000 cổ phần

2. Cổ phần chào bán đấu giá

- Tên cổ phần bán đấu giá : Cổ phần Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ
- Số lượng cổ phần chào bán đấu giá : 295.200 cổ phần
- Giá trị cổ phần theo mệnh giá : 2.952.000.000 đồng, tương ứng 36% vốn điều lệ
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- Phương thức đấu giá : Bán cổ phần theo phương thức đấu giá công khai qua tổ chức tài chính trung gian có sự cạnh tranh về giá
- Giá khởi điểm bán đấu giá : 7.500 đồng/cổ phần
- Bước giá : 100 đồng/cổ phần
- Số mức giá đặt mua : 01 mức giá
- Hình thức chào bán : **Bán đấu giá cả lô, theo đó mỗi nhà đầu tư phải đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán (295.200 cổ phần)**
- Giá trị cả lô **295.200** cổ phần, theo mức giá khởi điểm : 2.214.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm mười bốn triệu đồng chẵn)

3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần

3.1 Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá

Theo quy chế bán đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á ban hành (Gọi tắt là **Quy chế đấu giá**).

3.2 Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự đấu giá, nộp tiền cọc và nhận phiếu đấu giá

Theo thời gian được ghi tại **Quy chế đấu giá**.

3.3 Điều kiện đăng ký tham dự đấu giá

(1) Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu và nộp đúng thời hạn theo quy định.

(2) Nộp đủ tiền đặt cọc là 10% tổng giá trị cổ phần đăng ký tính theo giá khởi điểm trong thời hạn đăng ký như quy định.

(3) Có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

✚ Đối với cá nhân trong nước:

- Xuất trình CMND, giấy tờ tùy thân hợp lệ để tiến hành đối chiếu.
- kê khai địa chỉ cụ thể, chính xác và rõ ràng.

✚ Đối với tổ chức trong nước:

- Nếu người Đại diện theo pháp luật không đăng ký trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ do người Đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền cho người đăng ký tham dự. Người được ủy quyền phải mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khi đăng ký tham dự đấu giá.

- Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đó (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập...)

✚ Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài:

- Bản sao Hộ chiếu/CMND (trường hợp ủy quyền đấu giá cho người Việt Nam).
- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có).
- Xuất trình giấy mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Đối với tổ chức: Ngoài các hồ sơ trên, cần có thêm Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức (Giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập...), Công văn ủy quyền hợp lệ cho người đại diện tổ chức đó tham dự đấu giá (trong trường hợp đây không phải là người đại diện pháp lý của tổ chức đó).

3.4 Quy định về nộp tiền đặt cọc

Nhà đầu tư chuyển khoản vào tài khoản của Tổ chức đấu giá được công bố trong **Quy chế đấu giá**.

3.5 Giới hạn về số lượng cổ phần đăng ký tham dự đấu giá

- **Đối với nhà đầu tư trong nước:** mỗi nhà đầu tư phải đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán là 295.200 cổ phần.
- **Đối với nhà đầu tư nước ngoài:** mỗi nhà đầu tư phải đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán là 295.200 cổ phần.

4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

❖ Thời gian tổ chức buổi đấu giá:

Theo thời gian được quy định tại **Quy chế đấu giá**.

❖ Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á- CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà 31-33-35 Hàm Nghi, Quận 1 TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84- 4) 3824 6468

Fax: (84-4) 3824 6550

❖ Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần: Nhà đầu tư chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng được công bố trong **Quy chế đấu giá**.
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Địa điểm: Tại các địa điểm đã đăng ký tham dự đấu giá.

5. Tổ chức thực hiện đấu giá**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á****Hội sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, TP Hà Nội

Số điện thoại: (84- 4) 6275 3844 Fax: (84-4) 6275 3816

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà 31-33-35 Hàm nghi, Q1 Tp.Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84 - 8)3 824 6468 Fax: (84 - 8)3 824 6550

Website: www.aseansc.com.vn

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Căn cứ Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Căn cứ Quyết định số 291/QĐ/HĐTV-ĐTTC ngày 26/06/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam tại Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ;
- Căn cứ công văn số 1341/TCT/ĐTTC ngày 26/06/2015 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam gửi Công ty cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á về việc tổ chức bán đấu giá cổ phần tại Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ;

- Căn cứ Hợp đồng số 210/2015/VINAFOR-ASEANSC ngày 06/04/2015 giữa Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam và Liên danh tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á và Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức chào bán

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

Ông Cao Văn Thùy

Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOR CẦN THƠ

Ông Lê Uy Vũ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

Bà Lê Thị Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

- Tổ chức chào bán : Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam
- Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ
- Doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ
- Công ty : Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ
- ĐHCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- SXKD : Sản xuất kinh doanh

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp****❖ Thông tin khái quát:**

- Tên Công ty : **Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ**
- Tên viết tắt : **VINAFOR CẦN THƠ**
- Địa chỉ : 386 đường Cách mạng Tháng tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : 07103 828 368
- Fax : 07103 820 131
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : Số 1800155847 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 01 tháng 12 năm 2014
- Vốn điều lệ : 8.200.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành : 820.000 cổ phần

❖ Lịch sử hình thành và phát triển:

Sau khi nước nhà thống nhất, song song với sự hình thành và phát triển của các ngành kinh tế quốc dân, ngành lâm nghiệp cũng được củng cố và phát triển. Tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, vùng lãnh thổ rộng lớn, dân cư đông đúc nhưng lại không có rừng, qua nhiều năm chiến tranh, việc xây dựng và phát triển nhà ở bị hạn chế, phương tiện đi lại của nhân dân chủ yếu là ghe, xuồng... Từ những nhu cầu cấp bách trước mắt cũng như hướng phát triển lâu dài của vùng đồng bằng. Bộ Lâm Nghiệp quyết định thành lập hai xí nghiệp đó là Xí Nghiệp Cung Ứng và Chế Biến Lâm Sản 8 tại Tiền Giang và Xí Nghiệp Lâm Sản 9 tại Cần Thơ. Hai xí nghiệp này có nhiệm vụ cung ứng gỗ tròn, gỗ sẻ và hàng mộc cho chín tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Sự ra đời và phát triển của xí nghiệp trong một vùng lãnh thổ rộng lớn nên còn hạn chế trong việc kinh doanh. Sau một thời gian hoạt động Bộ Lâm Nghiệp quyết định thành lập Xí Nghiệp Chế Biến và Cung Ứng Lâm Sản Miền Tây (sát nhập Xí Nghiệp Lâm Sản 8 và Xí Nghiệp Lâm Sản 9) theo quyết định số: 737 ngày 26/07/1982. Sau một thời gian hoạt động Xí Nghiệp Lâm Sản Miền Tây được đổi tên thành Công ty Lâm Nghiệp Miền Tây theo quyết định số: 255/TCLĐ ngày 10/08/1988.

Do sự thay đổi của cơ chế quản lý kinh doanh độc lập thì ngành lâm nghiệp ít nhiều cũng bị ảnh hưởng do nguồn gỗ rừng tự nhiên bị cạn dần và để phát triển tính tự chủ Công ty đã mạnh dạn mở rộng chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh vì Công ty nằm ở Trung tâm Đồng Bằng Sông Cửu Long có nguồn lương thực dồi dào có địa điểm thu mua rất thuận tiện, kể cả về đường thủy và đường bộ, nên Công ty đã xây dựng Nhà máy Chế biến gạo xuất khẩu, sản xuất tole và gia công, lắp dựng khung nhà tiền chế.

Theo chủ trương Cổ phần hóa của Nhà nước. Căn cứ Quyết định số: 4445/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ NN & PTNT về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Nông lâm nghiệp Miền tây thành Công ty Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp và Xây dựng Miền Tây. Tại Đại hội cổ đông tháng 01/2008 đã Quyết định đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ ngày nay.

2. Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp

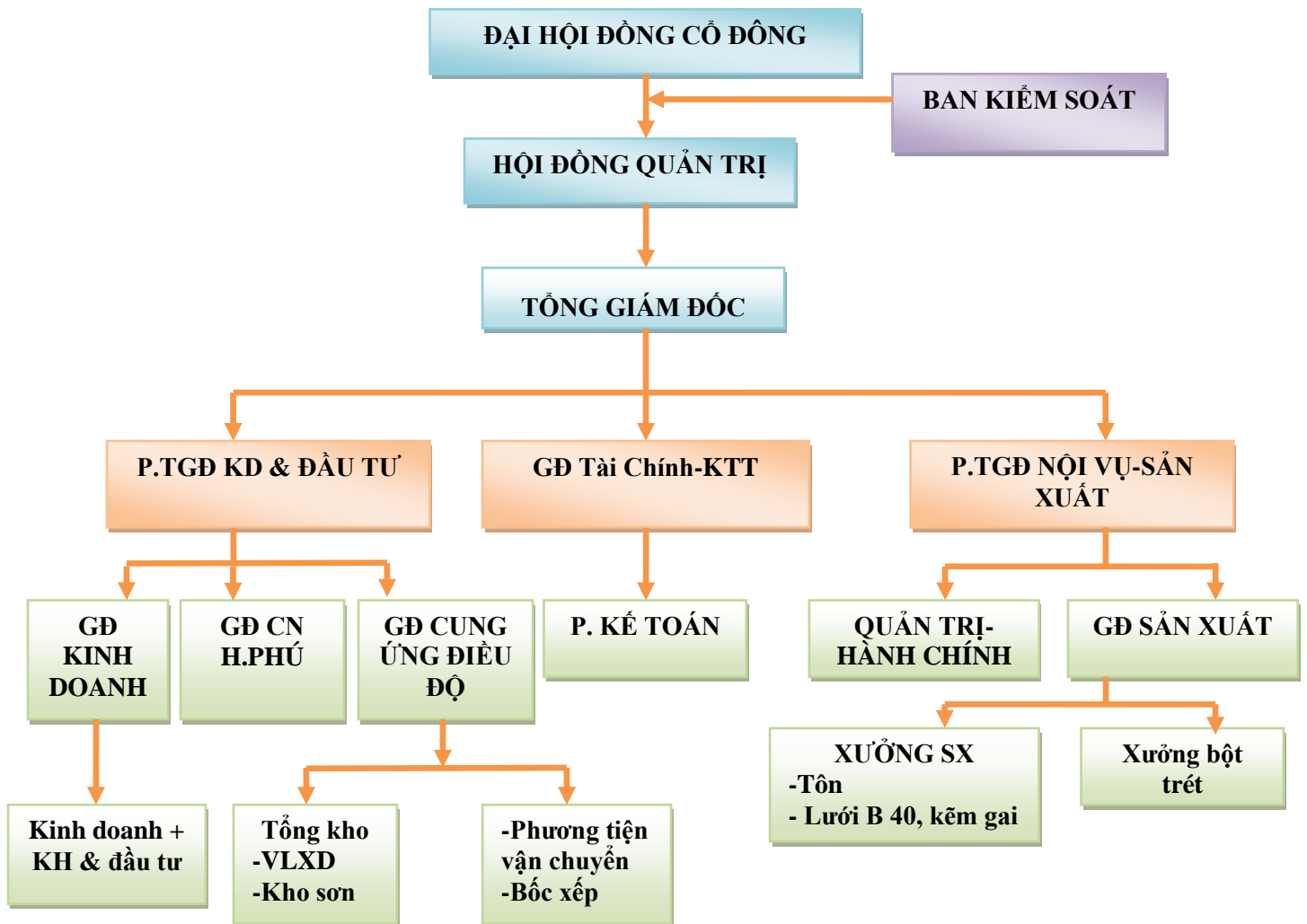
Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800155847 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ

sáu ngày 01 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ kinh doanh các ngành nghề sau:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, nhập khẩu gỗ nguyên liệu	4663(chính)
2	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
3	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
4	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng	0221
5	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát	0810
6	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
7	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát gạo	1061
8	Bán buôn gạo	4631
9	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất, chế tạo khung nhà tiền chế	2511
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt nhà thép công nghiệp và dân dụng	4329
11	Xây dựng nhà các loại	4100
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải thông thường	4933
14	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
15	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, cho thuê kho xưởng	6810

3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



(Nguồn: Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ)

❖ Đại hội đồng cổ đông:

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định.

❖ Hội đồng quản trị (HĐQT):

Là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại HĐQT Công ty có 03 thành viên.

❖ Ban Kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

❖ Ban Giám đốc:

- **Tổng Giám đốc:** là người điều hành chung toàn bộ các hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và cơ quan chủ quản của cấp trên.
- **Phó Tổng Giám đốc kinh doanh và đầu tư:** có nhiệm vụ giúp đỡ Tổng Giám đốc những vấn đề thuộc lĩnh vực của mình. Đồng thời chỉ đạo phòng ban thuộc mình quản lý, giải quyết những công việc do Tổng Giám đốc ủy quyền khi đi vắng. Hiện tại do Tổng Giám đốc kiêm nhiệm.
- **Phó Tổng Giám đốc nội vụ và sản xuất:** chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về mọi hoạt động của Công ty. Nhận chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, khai thác nguồn hàng ngoài thị trường. Tổ chức điều hành sản xuất, thực hiện hoàn thành kế hoạch của Công ty giao.
- **Giám đốc kinh doanh:** quản lý tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty, quản lý cửa hàng vật liệu xây dựng, xưởng cán Tole, bột trét tường và lưới B40. Đồng thời, bộ phận kinh doanh cửa hàng phải tổ chức khai thác, phát triển kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất.
- **Giám đốc sản xuất:** chịu trách nhiệm điều hành sản xuất tại các phân xưởng theo đúng quy cách, đúng đơn đặt hàng, đúng khoản thời gian. Đề xuất với Ban Giám đốc các vấn đề về cải tiến kỹ thuật, máy móc trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.
- **Giám đốc cung ứng điều bộ:** trực tiếp đàm phán, thỏa thuận với khách hàng về giá cả, chất lượng, phương thức thanh toán, thời gian giao hàng trình Phó giám đốc điều hành xem xét ký hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng nhằm đáp ứng kịp thời, đủ và đúng kế hoạch và tiến độ sản xuất của các xưởng. Thường xuyên đánh giá các nhà cung cấp hiện tại, tìm kiếm các nhà cung cấp mới trên thị trường.
- **Giám đốc tài chính (Kế toán trưởng):** chuẩn bị báo cáo và phân tích tài chính cho Ban Giám đốc Công ty. Có nhiệm vụ phân tích cấu trúc và quản lý rủi ro tài chính,

theo dõi lợi nhuận và chi phí; điều phối, củng cố và đánh giá tài chính; chuẩn bị các báo cáo đặc biệt. Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty quản lý điều hành tài chính sao cho hiệu quả, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty.

- ❖ **Phòng Kế toán:** là bộ phận công tác, điều hành và quản lý các khoản thu chi của Công ty theo quy định của nhà nước. Thu thập thông tin, kiểm tra tình hình sử dụng vốn, tài sản và kinh phí. Ghi chép, tính toán đầy đủ các khoản thu chi do phát sinh và xác định kết quả kinh doanh. Thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo đúng mọi quy định kế toán của nhà nước. Quản lý hoạt động tài chính của Công ty. Thực hiện mọi nghiệp vụ kế toán và tính toán toán cân đối giá thành sản phẩm. Lưu trữ và bảo toàn sổ sách, chứng từ liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty. Trích nộp ngân sách nhà nước, thuế và sử dụng quỹ theo quy định của pháp luật.

4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 01/05/2015

- ❖ **Cơ cấu cổ đông:**

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 01/05/2015

TT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	20	820.000	8.200.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	2	680.200	6.802.000.000	82,95%
2	Cổ đông cá nhân	18	139.800	1.398.000.000	17,05%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	Tổng cộng	20	820.000	8.200.000.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ)

- ❖ **Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần của Công ty:**

Bảng 3: Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Số 127 Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội	295.200	2.952.000.000	36%
2	Công ty TNHH Xây dựng TM VT Phan Thành	388 Cách mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	385.000	3.850.000.000	46,95%

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
	Tổng cộng		680.200	6.802.000.000	82,95%

(Nguồn: Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ)

5. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu

Buôn bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản lắp mặt bằng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng và thạch cao; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

6. Tình hình sử dụng lao động

Tính đến ngày 01/05/2015, tổng số lao động của Công ty là 21 người, với cơ cấu như sau:

Bảng 4: Cơ cấu lao động tại ngày 01/05/2015

Lao động	Số người	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động	21	100%
1. Trình độ đại học	9	42,86%
2. Trình độ khác	12	57,14%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	21	100%
1. Lao động không xác định thời hạn	5	23,81%
2. Lao động có thời hạn	16	76,19%

(Nguồn: Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ)

7. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp

7.1. Tình hình sử dụng đất đai

Bảng 5: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

TT	Địa chỉ khu đất	Diện tích	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
1	Số 386 đường Cách Mạng Tháng Tám, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	1.970,1 m ²	- Hợp đồng thuê đất số 48/HĐTĐ-2014 ngày 25/09/2014 giữa Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ và Công ty Vinafor Cần Thơ. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 498202 ký ngày 21/12/2007.	Cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Đến hết ngày 15/10/2043	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm
2	Số 386 đường Cách Mạng Tháng Tám, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	10.176,0 m ²	- Hợp đồng thuê đất số 48/HĐTĐ-2014 ngày 25/09/2014 giữa Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ và Công ty Vinafor Cần Thơ. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 498201 ký ngày 21/12/2007.	Cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Đến hết ngày 15/10/2043	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm
Tổng cộng		12.146,1 m²				

(Nguồn: Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ)

7.2. Tình hình tài sản cố định

Bảng 6: Giá trị còn lại của tài sản cố định theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ kế toán		Đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5.923	3.878	10.308	5.992	4.384	2.114
2	Máy móc thiết bị	1.202	261	1.224	394	22	133
3	Phương tiện vận tải	2.126	1.019	2.126	1.051	-	32
4	Tài sản cố định khác	1.412	542	1.795	728	384	186
	Tổng cộng	10.663	5.700	15.453	8.165	4.790	2.465

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014)

❖ Máy móc thiết bị:

Bảng 7: Danh mục một số máy móc thiết bị có giá trị lớn của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá (xác định lại)	% còn lại	Giá trị còn lại
Trạm Hạ thế 560 KVA	1	1995	200	20%	40
Hệ thống máy sàng rửa	1	1995	380	42%	158
Cần cầu cạp cát 38 tấn	1	2006	433	20%	87

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014)

❖ Phương tiện vận tải:

Bảng 8: Danh mục phương tiện vận tải của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá (xác định lại)	% còn lại	Giá trị còn lại
Xe tải KIA	1	2008	208	35%	73
Xe tải ben Thaco	1	2008	172	35%	60
Xe tải ben Thaco	1	2008	136	35%	48
Xe tải ben Thaco	1	2009	287	46%	132
Xe tải ben Thaco	1	2009	224	46%	103
Xe tải ben Thaco	1	2009	284	46%	131
Xe tải ben Thaco	1	2009	186	48%	90
Xe tải ben Thaco	1	2009	216	48%	104
Xe tải Thaco FC	1	2010	288	58%	167
Xe tải Thaco TOWNE	1	2010	125	58%	73

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014)

8. Danh sách những Công ty Mẹ, Công ty con của Doanh nghiệp

- ❖ **Công ty mẹ:** không có
- ❖ **Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** không có
- ❖ **Danh sách các công ty con của Tổ chức phát hành:** không có

9. Tình hình hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp
9.1. Tình hình hoạt động kinh doanh
9.1.1. Giá trị dịch vụ qua các năm

❖ Doanh thu:
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2012-2014
Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	33.451	88,54%	8.486	89,19%	7.628	88,12%
2	Doanh thu dịch vụ	4.328	11,46%	1.029	10,81%	1.028	11,88%
Tổng		37.779	100%	9.515	100%	8.656	100%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014 và chưa kiểm toán năm 2012, 2013 của Công ty)

Doanh thu của Công ty các năm vừa qua có xu hướng giảm, nếu như năm 2013 doanh thu đạt 9,5 tỷ đồng thì năm 2014 chỉ đạt 8,6 tỷ đồng (giảm 9% so với năm 2013).

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh cát, đá, vật liệu xây dựng (tôn, sắt, thép) vẫn chiếm phần lớn doanh thu hàng năm của Công ty, tuy nhiên doanh thu từ hoạt động này có xu hướng giảm cả về giá trị và tỷ trọng trong những năm vừa qua. Năm 2013, doanh thu từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng đạt 8,48 tỷ đồng (chiếm 89,19% trong tổng doanh thu); năm 2014 đạt 7,62 tỷ đồng (chiếm 88,12% trong tổng doanh thu).

Doanh thu từ dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà kho tương đối ổn định trong những năm gần đây, với doanh thu hàng năm khoảng hơn 1 tỷ đồng. Doanh thu từ dịch vụ này chiếm khoảng 11% trong tổng doanh thu của Công ty.

❖ Lợi nhuận gộp:
Bảng 10: Lợi nhuận gộp năm 2012-2014
Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Doanh thu thuần	37.779	9.515	8.656
2	Giá vốn	27.804	7.583	5.980
3	Lãi gộp	9.975	1.932	2.676

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014 và chưa kiểm toán năm 2012, 2013 của Công ty)

9.1.2. Nguyên liệu, nhiên liệu và chi phí đầu vào

Với đặc trưng của hoạt động kinh doanh chính là buôn bán vật liệu xây dựng, nguồn nhiên liệu chủ yếu của Công ty là xăng, dầu. Nguồn cung cấp nhiên liệu ổn định từ các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong nước. Tuy nhiên, sự biến động giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng lớn đến chi phí của Công ty.

9.1.3. Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 11: Cơ cấu chi phí năm 2012-2014

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	27.804	73,60%	7.583	79,70%	5.980	69,09%
2	Chi phí tài chính	4.364	11,55%	3.516	36,95%	4.402	50,85%
3	Chi phí bán hàng	2.985	7,90%	2.351	24,71%	2.552	29,48%
4	Chi phí QLDN	1.681	4,45%	1.118	11,75%	5.315	61,40%
5	Chi phí khác	0	0,00%	270	2,84%	243	2,81%
	Tổng	36.834	97,50%	14.838	155,94%	18.492	213,63%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014 và chưa kiểm toán năm 2012, 2013 của Công ty)

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng nhiều nhất trong tổng chi phí của Công ty, năm 2012 là 27,804 tỷ đồng (tương đương 73,6% doanh thu thuần), năm 2013 là 7,583 tỷ đồng (tương đương 79,7% doanh thu thuần); năm 2014 là 5,98 tỷ đồng (tương đương 69,09% doanh thu thuần).

Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong tổng chi phí là chi phí tài chính, năm 2012 là 4,364 tỷ đồng (tương đương 11,55% doanh thu thuần), năm 2013 là 3,516 tỷ đồng (tương đương 36,95% doanh thu thuần); năm 2014 là 4,402 tỷ đồng (tương đương 50,85% doanh thu thuần). Chi phí tài chính chủ yếu là khoản lãi vay ngắn hạn tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Cần Thơ với giá trị gốc tiền vay là 24,89 tỷ đồng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp có sự tăng đột biến trong năm 2014 với giá trị là 5,315 tỷ đồng (tương đương 61,4% doanh thu thuần) và tăng 375% so với năm 2013.

Chi phí bán hàng không có sự biến động nhiều về giá trị trong 3 năm qua, năm 2012 là 2,985 tỷ đồng (tương đương 7,9% doanh thu thuần), năm 2013 là 2,351 tỷ đồng

(tương đương 24,71% doanh thu thuần), năm 2014 là 2,552 tỷ đồng (tương đương 29,48% doanh thu thuần).

9.1.4. Các hợp đồng lớn Công ty đã và đang thực hiện

Chi tiết các hợp đồng được trình bày ở bảng sau:

Bảng 12: Các hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị ước tính (đồng)	Thời gian thực hiện
1	Hợp đồng thuê kho số 11/HĐTK.2014	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí CKM	Cho thuê nhà xưởng	1.208.809.800	05 năm (từ 15/06/2014-15/06/2019)
2	Hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/2015/QH-TĐCT	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phát triển Hậu Giang-Quý Hải	Vật liệu xây dựng: cát, đá	2.680.000.000	2015
3	Hợp đồng nguyên tắc số 19/HĐNT.2015	Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Gia Mỹ	Cừ tràm	166.600.000	Từ năm 2015
4	Hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐNT.2014	Chi nhánh Công ty TNHH MTV 621-Xí nghiệp khảo sát Thiết kế và tư vấn xây dựng	Sắt thép; Gạch, cát, đá các loại; Xi măng các loại	Theo từng đơn hàng cụ thể	2014
5	Hợp đồng nguyên tắc số 16/HĐNT.2014	Tổng Công ty 789-Chi nhánh miền Nam	Sắt thép; Gạch, cát, đá các loại; Xi măng các loại	Theo từng đơn hàng cụ thể	Từ năm 2014
6	Hợp đồng nguyên tắc số 04/HĐNT.2015	Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại Trường Sơn	Cát, đá, gạch, xi măng, sắt thép các loại	Theo từng đơn hàng cụ thể	Từ năm 2015

(Nguồn: Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ)

9.1.4. Hoạt động Marketing

Công ty không có các hoạt động Marketing

9.1.5. Nhân hiệu thương mại, logo đã đăng ký bản quyền của Công ty

Công ty không có nhân hiệu thương mại. Logo đã đăng ký bản quyền

9.2. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 - 2014

❖ Công nợ phải thu:

Bảng 13: Tình hình công nợ phải thu năm 2012-2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Phải thu từ khách hàng	32.618.457.133	37.901.566.454	42.597.655.391
Trả trước cho người bán	3.301.444.531	2.723.698.458	2.716.644.416
Phải thu khác	2.814.955.273	2.720.555.728	2.778.183.954
Dự phòng khoản phải thu khó đòi	-1.417.282.824	-1.603.265.798	-5.932.261.116
Tổng cộng	37.317.574.113	41.742.554.842	42.160.222.645

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014 và chưa kiểm toán năm 2012, 2013 của Công ty)

Lưu ý của đơn vị kiểm toán:

Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2014 của Công ty là Công ty TNHH kiểm toán Đại Tín cho ý kiến về việc Công ty có khoản phải thu trị giá **39.603.423.312 đồng** đang khởi kiện ra tòa, nếu khoản phải thu này không thu hồi được thì kết quả kinh doanh sẽ phát sinh khoản lỗ có giá trị tương ứng là **39.603.423.312 đồng**.

❖ Công nợ phải trả:

Bảng 14: Tình hình công nợ phải trả năm 2012-2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Nợ ngắn hạn	37.547.024.438	41.088.474.685	45.361.425.974
Vay và nợ ngắn hạn	24.989.908.177	25.311.925.122	25.268.924.288
Phải trả cho người bán	6.550.609.895	5.911.377.725	5.756.869.840
Người mua trả tiền trước	220.432.366	195.278.646	467.088.886
Các khoản thuế phải nộp	3.271.946.611	4.123.018.475	4.162.774.721
Phải trả người lao động	88.714.455	0	0
Chi phí phải trả	181.649.001	22.294.729	0

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Phải trả khác	2.277.226.213	5.579.104.762	9.697.133.353
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-33.462.280	-54.524.774	8.634.886
Nợ dài hạn	520.276.000	974.336.909	0
Vay và nợ dài hạn	520.276.000	385.246.000	0
Doanh thu chưa thực hiện		589.090.909	0
Tổng cộng	38.067.300.438	42.062.811.594	45.361.425.974

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014 và chưa kiểm toán năm 2012, 2013 của Công ty)

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Bảng 15: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012-2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán	7.143.109.097	7.328.460.420	3.553.418.314
Nợ ngắn hạn	37.547.024.438	41.088.474.685	45.361.425.974
Nợ dài hạn	520.276.000	974.336.909	0
Tổng doanh thu	37.838.548.253	15.761.721.735	14.810.911.691
Tổng chi phí	36.834.634.049	14.837.725.519	18.492.794.137
Lợi nhuận thực hiện	1.003.914.204	923.996.216	-3.681.882.446
Lợi nhuận sau thuế	828.229.218	692.997.162	-3.681.882.446

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014 và chưa kiểm toán năm 2012, 2013 của Công ty)

❖ **Các chỉ tiêu tài chính năm 2012 – 2014:**

Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính năm 2012-2014

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán chung	1,19	1,17	1,08
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,03	1,04	0,95
- Hệ số thanh toán nhanh	1,00	1,02	0,93
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
- Nợ/Tổng tài sản	84,20%	85,16%	92,74%
- Nợ/Vốn chủ sở hữu	532,92%	573,97%	1276,56%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay các khoản phải thu	1,01	0,23	0,21

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
- Vòng quay hàng tồn kho	27,60	9,22	6,82
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,84	0,19	0,18
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
- Tỷ suất sinh lời trên doanh thu	2,19%	7,28%	-42,53%
- Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản	1,83%	1,40%	-7,53%
- Tỷ suất sinh lời trên VCSH	11,59%	9,46%	-103,62%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014 và chưa kiểm toán năm 2012, 2013 của Công ty)

9.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm vừa qua

9.3.1. Thuận lợi

Công ty đã chủ động trong kinh doanh và tạo được thương hiệu trên thị trường cung ứng vật liệu xây dựng cho các công trình, cửa hàng, đại lý vật liệu xây dựng, thầu...trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

9.3.2. Khó khăn

- Hàng hóa bán ra còn chậm, giá cả cạnh tranh gay gắt nên ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua.
- Tình hình thu hồi công nợ dây dưa, khó đòi, nhất là vấn đề nợ liên doanh liên kết với Công ty Phan Thành không thu hồi được, hiện Công ty đang tiếp tục làm hồ sơ khởi kiện ra tòa án.
- Ngân hàng không cho vay vốn vì đã hết hạn mức vay, Công ty phải huy động vốn trong CBCNV để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

10. Các tranh chấp có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh

Hiện tại Công ty đang khởi kiện Công ty TNHH XD-TM VT Phan Thành (là cổ đông sáng lập Công ty) với khoản công nợ phải thu khó đòi trị giá tại ngày 31/12/2014 là **39.603.423.312 đồng**.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Hiện nay Công ty đang hoạt động với số vốn điều lệ 8,2 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng trong những năm gần đây có xu hướng giảm, tổng doanh thu năm 2013 là 9,515 tỷ đồng, năm 2014 là 8,656 tỷ đồng. Như vậy quy mô vốn và quy mô hoạt động của Công ty nhỏ so với các công ty khác trong ngành kinh doanh vật liệu xây dựng.

12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

Bảng 17: Kế hoạch kinh doanh năm 2015

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2015
1	Doanh thu	Nghìn đồng	9.900.000
1.1	Kinh doanh VLXD các loại	Nghìn đồng	8.750.000
1.2	SXKD tôn, lưới B40, kẽm gai...	Nghìn đồng	150.000
1.3	Kinh doanh khác...	Nghìn đồng	1.000.000
2	Lợi nhuận	Nghìn đồng	700.000
3	Cổ tức dự kiến	%	-
4	Lao động và thu nhập		
4.1	Tổng số lao động	Người	20
4.2	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	4.100.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ)

VI. CỔ PHẦN CHÀO BÁN

1. Loại chứng khoán chào bán

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần (Bằng chữ: mười nghìn đồng trên một cổ phần)

3. Số lượng cổ phần chào bán

Bán cả lô 295.200 cổ phần.

4. Phương thức chào bán

Bán đấu giá công khai có sự cạnh tranh về giá qua tổ chức tài chính trung gian.

5. Giá khởi điểm đưa ra chào bán

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ/HĐTV-ĐTTC ngày 26/06/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam tại Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ:

- **Giá khởi điểm bán đấu giá là: 7.500 đồng/cổ phần.**
- **Giá trị cả lô 295.200 cổ phần, tính theo giá khởi điểm là: 2.214.000.000 đồng**

(Hai tỷ, hai trăm mười bốn triệu đồng chẵn).

6. Thời gian chào bán cổ phần

Thời gian tổ chức đấu giá: 14 giờ 00 phút ngày 28 tháng 07 năm 2015.

VII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Rủi ro về kinh tế

Những diễn biến của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế. Công ty cổ phần Vinafor Cần Thơ là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất...

1.1. Rủi ro về tăng trưởng

Theo số liệu do Tổng Cục Thống kê công bố tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam năm 2014 đạt 5,98% cao hơn năm 2013 (5,42%), năm 2014 là năm đầu tiên trong kế hoạch 5 năm (2011-2015) kể từ 2011 đến nay, tăng trưởng kinh tế không chỉ về đích mà còn vượt kế hoạch so với kế hoạch chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 5,8% mà Quốc hội đề ra. Tăng trưởng tiếp tục phục hồi mạnh mẽ trong quý I/2015 với GDP tăng 6,03% so với cùng kỳ năm trước, đây là quý I có mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm trở lại đây.

Sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2014 là cơ sở quan trọng để các chuyên gia kinh tế thống nhất quan điểm và đặt ra mục tiêu tăng trưởng 6,2% trong năm 2015. Trong năm 2015, Việt Nam sẽ sớm thực hiện các cam kết theo các Hiệp định mới ký kết gồm: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan Nga-Belarus-Kazakhstan. Đồng thời, tiếp tục đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) và tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN, qua đó tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP năm 2015. Việc thực thi các hiệp định thương mại trong thời gian tới sẽ khiến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2015 tăng mạnh hơn so với năm 2014. Như vậy, nếu nền kinh tế không đạt được tăng trưởng như mục tiêu đề ra thì sẽ phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.2. Rủi ro về lạm phát

Tỷ lệ lạm phát tính theo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân trong năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013, đây là mức tăng khá thấp trong vòng 10 năm trở lại đây. Theo Tổng cục Thống kê, trong năm 2014 nhóm hàng có đóng góp nhiều nhất vào

sự gia tăng CPI vẫn là hàng ăn và dịch vụ ăn uống (chiếm 38,8%), thứ đến là giáo dục (14,2%), nhà ở và vật liệu xây dựng (9,3%), nhóm hàng giao thông chỉ đóng góp 4%. Với sự điều chỉnh giảm liên tục của giá xăng dầu trong nước, chi phí sinh hoạt cho nhóm hàng giao thông sẽ giảm đi, từ đó tác động làm giảm CPI. Trong quý I/2015 lạm phát tiếp tục duy trì ở mức thấp, CPI tháng 3/2015 mặc dù tăng 0,15% so với tháng trước nhưng chỉ tăng 0,93% so với cùng kỳ năm trước (mức tăng tương ứng của cùng kỳ năm 2014 là 4,39%). Như vậy, lạm phát duy trì ở mức thấp và ổn định sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong quý I/2015 lãi suất cho vay ngắn hạn hầu như không giảm trong khi lãi suất cho vay trung và dài hạn chỉ giảm nhẹ. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 7%/năm đối với ngắn hạn, các ngân hàng thương mại nhà nước tiếp tục áp dụng lãi suất cho vay trung và dài hạn phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 9-10%/năm trong khi lãi suất của các Ngân hàng thương mại cổ phần cao hơn khoảng 1%. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 7-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,5-11%/năm đối với trung và dài hạn. Biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây lên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các hệ thống kế toán mới được ban hành và áp dụng nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

Xăng dầu đóng vai trò là chi phí chính cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng. Do đó, sự biến động của giá xăng dầu ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro về công nợ phải thu

Hiện tại Công ty đang khởi kiện Công ty TNHH XD-TM VT Phan Thành (là cổ đông sáng lập Công ty) với khoản công nợ phải thu khó đòi trị giá tại ngày 31/12/2014 là **39.603.423.312 đồng**. Nếu khoản phải thu này không thu hồi được thì kết quả kinh doanh của Công ty sẽ phát sinh khoản lỗ có giá trị tương ứng là **39.603.423.312 đồng**.

5. Các rủi ro khác

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

VIII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Công ty Cổ phần Vinafor Cần Thơ cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty.

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2015

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

CAO VĂN THÙY

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOR CẦN THƠ
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

LÊ UY VŨ

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

LÊ THỊ THANH BÌNH